



CÁC MỤC TỪ TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ TRONG CUỐN *TỪ ĐIỂN THAM VẤN TÂM LÝ*¹

VŨ NGỌC HÀ*

Tóm tắt: Trắc nghiệm tâm lý thuộc 6 loại hình mục từ nhóm biên soạn *Từ điển Tham vấn tâm lý* đã lựa chọn. Trắc nghiệm tâm lý nói chung là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa, dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của nhân cách hoàn chỉnh, qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ, hoặc những loại hành vi ngôn ngữ khác (F. S. Freeman, 1971). Trắc nghiệm tâm lý được sử dụng chủ yếu trong chẩn đoán tâm lý con người. Trắc nghiệm trọn bộ gồm 4 phần: văn bản trắc nghiệm/test; hướng dẫn quy trình tiến hành; hướng dẫn đánh giá; bản chuẩn hóa. Bài viết này trình bày khái niệm, phân loại, các bộ phận, tiêu chuẩn, cơ sở lựa chọn các mục từ trắc nghiệm tâm lý cho cuốn *Từ điển Tham vấn tâm lý* và biên soạn mẫu mục từ trắc nghiệm tâm lý.

Từ khóa: Trắc nghiệm tâm lý, *Từ điển Tham vấn tâm lý*.

Abstract: The entries about psychological tests belong to 6 types of entries selected by the group of compiling the *Psychological Counseling Dictionary*. Psychological tests are generally a standardized tool used to objectively measure one or more aspects of complete personality, through verbal or non-verbal response patterns, or other types of linguistic acts (F. S. Freeman, 1971).

Psychological tests are mainly used to diagnose human psychology. The complete test includes 4 parts: multiple choice text/test; procedure instruction; assessment instruction; standardized version. This article presents concepts, classifications, parts, standards, and basis for selecting the entries about psychological tests in the *Psychological Counseling Dictionary* and compiling a sample entry about psychological tests.

Keywords: Psychological tests, *Psychological Counseling Dictionary*.

1. Đặt vấn đề

Trắc nghiệm tâm lý thuộc 6 loại hình mục từ nhóm biên soạn *Từ điển Tham vấn tâm lý* đã lựa chọn ngay từ giai đoạn 1 khi biên soạn cuốn *Từ điển* này. Trắc nghiệm tâm lý được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau như nghiên cứu, chẩn đoán, đánh giá, sàng lọc,... Việc sử dụng các trắc nghiệm tâm lý đã trở nên phổ biến trên thế giới nói chung và tại các cơ sở thăm khám tâm lý ở Việt Nam nói riêng. Một trắc nghiệm tâm lý khi đưa vào sử

* PGS. TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: vungocha.vass@gmail.com

dụng cần phải được chuẩn hóa trên diện rộng và người sử dụng trắc nghiệm phải là những người được đào tạo trong lĩnh vực Tâm lý học. Tuy nhiên, vì những hạn chế về nhân - tài - vật - lực, việc ứng dụng các trắc nghiệm tâm lý tại một số cơ sở thăm khám tâm lý ở nước ta chưa làm được điều này. Tuy vậy, việc sử dụng các trắc nghiệm tâm lý trong các lĩnh vực chẩn đoán, tham vấn, trị liệu tâm lý, hướng nghiệp và giáo dục,... vẫn mang lại những hiệu quả nhất định.

Trắc nghiệm tâm lý nói chung là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa, dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của nhân cách hoàn chỉnh, qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ, hay phi ngôn ngữ hoặc những loại hành vi ngôn ngữ khác (Freeman, 1971 (dẫn theo [1])). Trắc nghiệm tâm lý được sử dụng chủ yếu trong chẩn đoán tâm lý con người. Trắc nghiệm trọn bộ gồm 4 phần: văn bản trắc nghiệm/test; hướng dẫn quy trình tiến hành; hướng dẫn đánh giá; bản chuẩn hóa.

Bài viết này trình bày khái niệm, phân loại, các bộ phận trắc nghiệm tâm lý, tiêu chuẩn trắc nghiệm, cơ sở để lựa chọn các mục từ trắc nghiệm tâm lý cho cuốn Từ điển Tham vấn tâm lý và biên soạn mẫu mục từ trắc nghiệm tâm lý.

2. Khái niệm trắc nghiệm tâm lý

Trắc nghiệm tâm lý (Psychological Test) là thuật ngữ được nhắc đến lần đầu tiên bởi nhà Nhân chủng học người Anh - Francis Galton vào năm 1884. Galton định nghĩa: “Trắc nghiệm tâm lý là nghệ thuật của phép đo và con số có ý nghĩa dựa trên những hoạt động của trí não” (dẫn theo [1]).

Ngoài ra, trắc nghiệm tâm lý còn được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Năm 1968, nhà tâm lý học người Nga B. G. Ananhep đã định nghĩa: “Trắc nghiệm tâm lý là một hướng nghiên cứu tâm lý, có mục đích xác định trình độ phát triển của các chức năng, các quá trình, các trạng thái và thuộc tính tâm - sinh lý của nhân cách,...; xác định những đặc điểm cấu trúc của mỗi

thứ đó và của các chùm của chúng, tạo thành những hội chứng phức tạp của hành vi;... xác định những trạng thái của con người dưới tác động của những tác nhân kích thích, những tác nhân gây căng thẳng, những tác nhân gây hăng hụt và những tình huống khác nhau...” (dẫn theo [1]).

Nhà tâm lý học người Mỹ F. S. Freeman đã đưa ra định nghĩa được nhiều người chấp nhận rằng: “Trắc nghiệm tâm lý là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa, dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của nhân cách hoàn chỉnh qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ hoặc những loại hành vi khác”. Theo Freeman, ba dấu hiệu cơ bản của trắc nghiệm là: 1) Tính tiêu chuẩn hóa của việc trình bày và xử lý kết quả; 2) Tính không phụ thuộc của kết quả vào ảnh hưởng của tình huống thực nghiệm và nhân cách nhà tâm lý học; 3) Tính đối chiếu của các tài liệu cá thể với các tài liệu chuẩn mực, nghĩa là những tài liệu đã thu được cũng trong những điều kiện như thế ở một nhóm khá tiêu biểu. (dẫn theo [1])

Tác giả Nguyễn Khắc Viện định nghĩa: “Trắc nghiệm tâm lý là một hệ thống biện pháp đã được chuẩn hóa về kỹ thuật, được quy định về nội dung và cách làm, nhằm đánh giá ứng xử và kết quả hoạt động của một người hay một nhóm người, cung cấp một chỉ báo về tâm lý (trí lực, cảm xúc, năng lực, nét nhân cách,...) trên cơ sở đối chiếu với một thang đo đã được tiêu chuẩn hóa hoặc với một hệ thống phân loại trên những nhóm mẫu khác nhau về phương diện xã hội” [7].

Trong cuốn *Từ điển Tâm lý học* do Vũ Dũng chủ biên không có định nghĩa trắc nghiệm tâm lý, nhưng nhóm tác giả đã đưa ra những khái niệm cụ thể liên quan đến trắc nghiệm tâm lý như: trắc nghiệm nhân cách, trắc nghiệm thành tích, trắc nghiệm trí tuệ,... Thuật ngữ “trắc nghiệm” được các tác giả định nghĩa: “Hệ thống các bài tập cho phép đo mức độ phát triển phẩm chất tâm lý nhất định của nhân cách” [2].

Như vậy, trắc nghiệm tâm lý là hệ thống

các biện pháp đã được tiêu chuẩn hóa dùng để đo lường tâm lý con người một cách khách quan nhằm đánh giá sức khỏe tâm thần của một người hoặc một nhóm người. Hiện tại, trắc nghiệm tâm lý có vai trò quan trọng trong lâm sàng và góp phần đáng kể trong công tác nghiên cứu, chẩn đoán, đánh giá, sàng lọc các bệnh tâm lý.

3. Phân loại trắc nghiệm tâm lý

Căn cứ vào các tiêu chí khác nhau có thể có các loại trắc nghiệm tâm lý khác nhau. Tuy nhiên, mọi cách phân loại trắc nghiệm tâm lý đều mang tính tương đối.

3.1. Căn cứ vào nội dung đo lường

Dựa vào nội dung đo lường, trắc nghiệm tâm lý được chia thành các trắc nghiệm trí tuệ, các trắc nghiệm năng lực, các trắc nghiệm nhân cách, các trắc nghiệm về phát triển, các trắc nghiệm về cảm xúc, thái độ và trắc nghiệm thành tích học tập.

Các trắc nghiệm trí tuệ dùng để đo năng lực tư duy của con người. Có rất nhiều trắc nghiệm để đo lường trí tuệ con người như test Raven, test Weschler (WAIS, WICS, WIPSY), test Gille, test trí tuệ đa diện của Gardner, các test đo EQ,...

Các trắc nghiệm năng lực đánh giá các kiểu năng lực đặc biệt như năng lực cơ khí, năng lực ngôn ngữ, năng lực tri giác không gian,... dùng để đo lường mức độ phát triển các khía cạnh riêng của trí tuệ, của các chức năng tâm lý nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể. Các trắc nghiệm năng lực dự báo một cá nhân sẽ làm được những việc gì sau này, khi đã được đào tạo phù hợp và có động cơ đúng đắn. Các trắc nghiệm này được dùng để sàng lọc trong tuyển dụng nhân sự và trong các kỳ thi đại học.

Các trắc nghiệm nhân cách dùng để đo các khía cạnh khác nhau của nhân cách. Các loại trắc nghiệm nhân cách phổ biến là Eysensk, 16 yếu tố nhân cách của Cattell, test 5 nhân tố lớn của nhân cách NEOPI và bản chỉnh sửa NEOPI-R, trắc nghiệm tri giác theo chủ đề TAT, CAT, bảng kiểm nhân cách MMPI,...

Các trắc nghiệm về phát triển dùng để đo lường sự phát triển của trẻ theo lứa tuổi,

bao gồm test Denver, Bảng kiểm hành vi trẻ em CBCL,...

Các trắc nghiệm về cảm xúc, thái độ dùng để đánh giá lĩnh vực cảm xúc và thái độ, tâm trạng của con người, bao gồm thang trầm cảm Beck, thang trầm cảm Hamilton, thang lo âu Jung,...

Các trắc nghiệm về thành tích học tập đánh giá kiến thức về một môn học nào đó, đo lường mức độ nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định. Loại trắc nghiệm này được dùng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

3.2. Căn cứ vào phạm vi tiếp cận phóng ngoại

Dựa vào phạm vi tiếp cận phóng ngoại, các trắc nghiệm tâm lý được chia thành hai loại là trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm phóng chiếu.

Trắc nghiệm khách quan là những trắc nghiệm được tiêu chuẩn hóa, đánh giá dựa vào điểm chuẩn và dữ liệu là định lượng (điểm số).

Trắc nghiệm phóng chiếu là những trắc nghiệm đòi hỏi cá nhân tri giác vật liệu trắc nghiệm rồi phản ánh ra bên ngoài thế giới nội tâm của mình. Việc đánh giá không dựa trên điểm chuẩn mà dựa vào hệ thống kinh nghiệm quan sát của các nhà tâm lý đã được đúc kết và dữ liệu là định tính (ngôn ngữ).

Do quy trình xây dựng trắc nghiệm đòi hỏi những quy chuẩn chặt chẽ nên trắc nghiệm khách quan được ưa chuộng hơn trong đánh giá và hiện nay khá thông dụng. Do tính chất chủ quan mà các trắc nghiệm phóng chiếu thường hay bị phê phán. Tuy nhiên, trong lĩnh vực chẩn đoán lâm sàng, trắc nghiệm chủ quan vẫn có những giá trị nhất định bởi trắc nghiệm này có thể phát hiện được thế giới nội tâm sâu kín của chủ thể ở một mức độ nào đó mà các công cụ khác không phát hiện ra.

3.3. Căn cứ vào hình thức thực hiện

Dựa vào hình thức thực hiện có các loại trắc nghiệm sau: kiểu trắc nghiệm dành cho cá nhân hoặc kiểu trắc nghiệm dành cho nhóm, kiểu sử dụng ngôn ngữ hay kiểu sử dụng các hành động thực thi, kiểu trắc

nghiệm viết hay trắc nghiệm nói, kiểu trắc nghiệm cần đến những công cụ đặc biệt hay chỉ sử dụng các phương tiện thông thường như giấy, bút.

4. Các bộ phận của trắc nghiệm tâm lý

Một bản trắc nghiệm tâm lý đầy đủ thường bao gồm 4 bộ phận: công cụ làm trắc nghiệm, bản hướng dẫn sử dụng trắc nghiệm, bản ghi điểm, bản điểm chuẩn và diễn giải.

4.1. Công cụ làm trắc nghiệm tâm lý

Công cụ làm trắc nghiệm tâm lý có thể ở dạng văn bản. Trong văn bản thể hiện các tình huống và các phương án trả lời. Một số trắc nghiệm có sử dụng các dụng cụ đặc thù. Ví dụ, trắc nghiệm WWPSY sử dụng cái chuông, cái chày,...; trắc nghiệm đo trí tuệ WICS sử dụng các khối gỗ với màu sắc nhất định, các khối hình bị cắt nhiều mảnh,...; một số trắc nghiệm phóng chiếu sử dụng hình ảnh hoặc tranh vẽ.

4.2. Bản hướng dẫn sử dụng trắc nghiệm tâm lý

Với mục đích đánh giá khách quan, việc hướng dẫn làm trắc nghiệm, thậm chí đào tạo cách tiến hành và chấm điểm trắc nghiệm rất được coi trọng. Vì thế, trắc nghiệm tâm lý luôn có bản hướng dẫn chi tiết cách thức sử dụng và tiến hành. Với nhiều loại trắc nghiệm đánh giá, chỉ những chuyên gia đã được đào tạo về trắc nghiệm mới được sử dụng. Trong bản hướng dẫn này, cách thức tiến hành, những lưu ý khi thích nghi và chuẩn hóa trắc nghiệm được mô tả chi tiết.

Trắc nghiệm tâm lý được xây dựng để đánh giá con người. Trắc nghiệm này yêu cầu phải đánh giá công bằng và chính xác, vì thế bản hướng dẫn cách chấm điểm cần phải rõ ràng, cụ thể.

4.3. Bản ghi điểm

Bản ghi điểm ghi chép lại câu trả lời của người thử. Bản ghi chép này được trình bày theo một hệ thống, tương ứng với các bài trắc nghiệm. Nhiều trắc nghiệm có bản trả lời riêng, nhưng cũng có nhiều trắc nghiệm không có bản riêng mà trả lời vào thẳng văn bản trắc nghiệm.

4.4. Bản điểm chuẩn và diễn giải

Với những trắc nghiệm đã được chuẩn hóa, luôn có bản điểm chuẩn và diễn giải ý nghĩa của các điểm chuẩn đó. Người đánh giá cần đặc biệt lưu ý khi sử dụng trắc nghiệm của nước ngoài, bởi điểm chuẩn chỉ phù hợp với từng nhóm mẫu chuẩn, không dành cho mọi đối tượng.

5. Tiêu chuẩn trắc nghiệm tâm lý

Trong nghiên cứu Tâm lý học, giá trị khoa học của các số liệu thu được phụ thuộc chủ yếu vào độ tin cậy và độ hiệu lực của bộ công cụ dùng để đo lường. Tuy nhiên, không phải lúc nào nhà nghiên cứu cũng sẵn có bộ công cụ đã được chuẩn hóa (có độ tin cậy và độ hiệu lực bảo đảm) thích hợp cho việc thu thập số liệu nghiên cứu. Do vậy, khi sử dụng những công cụ do mình tự thiết kế hoặc được dịch từ những bộ công cụ của nước ngoài chưa được thích nghi hóa, nhà nghiên cứu bắt buộc phải đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực của công cụ đo trước khi sử dụng các số liệu nhằm rút ra những kết luận hoặc dùng số liệu để suy đoán.

5.1. Độ tin cậy của trắc nghiệm

Độ tin cậy chính là sự ổn định của kết quả trắc nghiệm, nghĩa là khi sử dụng những hình thức khác nhau của một trắc nghiệm hoặc khi tiến hành một trắc nghiệm lặp lại nhiều lần trên cùng một khách thể nghiên cứu hay trên những khách thể tương đương nhau thì kết quả trắc nghiệm đều giống nhau.

Trong quá trình kiểm định độ tin cậy của trắc nghiệm, các chuyên gia thiết kế trắc nghiệm thường sử dụng những phương pháp cơ bản được phân tích dưới đây.

5.1.1. Mô hình lý thuyết về độ tin cậy của trắc nghiệm

Một trắc nghiệm tốt phải là trắc nghiệm có đủ độ tin cậy, đo đúng cái nó được thiết kế để đo. Để xác định độ tin cậy của một phép đo, người nghiên cứu phải xuất phát từ một tiền đề có tính giả thiết rằng phép đo sẽ đo lường một đặc tính tương đối ổn định. Bởi vì sẽ không có một phương pháp đo đạc nào có giá trị trừ phi nó đo một cái gì đó có tính

tương đối ổn định và bản thân phép đo đó có tính ổn định tương đối, ít hoặc không thay đổi giữa các lần đo khác nhau.

Kết quả làm trắc nghiệm chỉ ra rằng, mọi người thường có kết quả làm trắc nghiệm tương đối ổn định qua các lần đo trừ khi họ có những thay đổi thực sự về kiến thức, kỹ năng liên quan đến đặc tính được đo giữa các lần làm trắc nghiệm. Như vậy, một trắc nghiệm có độ tin cậy tốt được xác định là một trắc nghiệm khi mọi người đều đạt số điểm tương tự ở những lần đo khác nhau. Điều này không có nghĩa là điểm trắc nghiệm của một cá nhân phải tuyệt đối giống nhau ở các lần đo. Điểm trắc nghiệm có thể khác nhau giữa các lần đo, nhưng nếu không có thay đổi thực sự của tri thức, kỹ năng của đặc tính được đo thì nếu một người có điểm trắc nghiệm cao hơn điểm trung bình một độ lệch chuẩn ở lần đo thứ nhất cũng sẽ có số điểm cao hơn điểm trung bình một độ lệch chuẩn ở lần đo thứ hai.

5.1.2. Phương pháp đánh giá độ tin cậy của trắc nghiệm

Để đánh giá độ tin cậy của trắc nghiệm, người ta thường so sánh tương quan điểm giữa hai lần đo của cùng một trắc nghiệm trên cùng một đối tượng. Một trắc nghiệm có độ tin cậy phải có tính ổn định, tức là phải có sự tương quan đáng kể giữa hai lần đo. Trong thống kê, nếu trắc nghiệm được thiết kế theo thang đo khoảng hay thang đo tỉ lệ và mối quan hệ điểm số trắc nghiệm giữa hai lần đo là quan hệ tuyến tính, thì người ta dùng hệ số tương quan Pearson (Pearson correlation coefficient) để đánh giá độ tin cậy của trắc nghiệm. Còn nếu trắc nghiệm được thiết kế theo thang đo hạng, hoặc mối quan hệ điểm số trắc nghiệm giữa hai lần đo không phải là quan hệ tuyến tính, thì người ta dùng hệ số tương quan Spearman (Spearman rank correlation coefficient) để đánh giá độ tin cậy của trắc nghiệm.

Vì cùng một trắc nghiệm đo 2 lần trên cùng một người, nên sự khác nhau về điểm số giữa 2 lần đo được xem là “hoàn toàn do lỗi của sự đo lường”. Nếu có sự khác biệt nhỏ giữa 2 lần đo thì người ta có thể kết luận là lỗi của phép đo nhỏ và phép đo đó có độ

tin cậy cao. Tuy nhiên, phương pháp đo này cũng có những hạn chế, chẳng hạn khoảng cách về thời gian giữa hai lần đo thường có ảnh hưởng đến hệ số tương quan (do thời gian làm biến đổi những đặc tính được đo) hoặc nghiệm thể có thêm kinh nghiệm, nghiệm thể có thể quen, nhớ được các câu trả lời... Do vậy, hệ số tương quan điểm giữa 2 lần đo thường được gọi là hệ số ổn định của trắc nghiệm hơn là hệ số tin cậy. Tuy nhiên, phương pháp này đặc biệt có lợi khi người nghiên cứu quan tâm đến tính ổn định tương đối của trắc nghiệm qua các lần đo. Tùy mục đích của trắc nghiệm và điều kiện thực tế mà khoảng cách giữa hai lần đo có thể được điều chỉnh từ vài ngày, vài tuần đến vài tháng.

5.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của trắc nghiệm

Có năm nhân tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của trắc nghiệm:

Một là lỗi từ sự đo lường của trắc nghiệm.

Hai là các nhân tố liên quan đến người làm trắc nghiệm. Chẳng hạn, người làm trắc nghiệm có sự thay đổi thực sự về kiến thức, hiểu biết, kỹ năng giữa hai lần đo. Người làm trắc nghiệm mệt mỏi, bị stress, xúc cảm không ổn định, thiếu tập trung, hiểu nhầm câu hỏi, nhớ câu hỏi ở lần đo trước,... hoặc câu hỏi trắc nghiệm quá khó khiến người làm trắc nghiệm không thể có sẵn câu trả lời mà phải suy đoán,...

Ba là điều kiện làm trắc nghiệm như tiếng ồn xung quanh, sự không nhất quán về lời hướng dẫn, sự không thống nhất về thời gian, các thủ tục cho điểm khác nhau,... nhất là với các trắc nghiệm có câu hỏi mở, trắc nghiệm phóng chiếu cũng ảnh hưởng đến độ tin cậy của trắc nghiệm.

Bốn là các nhân tố liên quan đến item, câu hỏi của trắc nghiệm. Chẳng hạn, một trắc nghiệm càng có nhiều item thì độ tin cậy của trắc nghiệm càng tăng, vì càng nhiều item, trắc nghiệm càng có nhiều cơ hội cung cấp một mẫu rộng hơn những đặc tính về hiểu biết cần đo. Tuy nhiên, trắc nghiệm không thể quá dài vì nếu quá dài sẽ khiến người làm trắc nghiệm mệt mỏi, thiếu tập trung từ đó ảnh hưởng không tốt đến độ tin cậy của trắc

nghiệm. Mặt khác, các item của trắc nghiệm phải có tính đại diện, đủ “bao quát hết” miền đo. Những trắc nghiệm đáng tin cậy nhất là những trắc nghiệm gồm một mẫu các item “được đánh giá là tốt nhất” (đáp ứng các tiêu chuẩn phân tích, thống kê) rút ra từ một nhóm các item có thể có của miền đo.

Năm là các nhân tố liên quan đến thống kê. Khi phạm vi điểm trắc nghiệm ngày càng bị thu hẹp thì tương quan càng giảm, độ tin cậy của trắc nghiệm giảm. Ngược lại, phạm vi điểm trắc nghiệm càng được mở rộng thì tương quan càng tăng, độ tin cậy của trắc nghiệm cũng tăng. Như vậy, muốn tăng độ tin cậy của trắc nghiệm phải mở rộng phạm vi điểm của trắc nghiệm bằng cách thu thập các điểm trắc nghiệm từ một mẫu gồm những người có năng lực khác nhau, rồi gộp lại để phân tích. Tuy nhiên, điều này lại gây ra sự tăng giả tạo độ tin cậy.

Tóm lại, khi thiết kế một trắc nghiệm đo lường các đặc tính tâm lý, người nghiên cứu am hiểu mô hình lý thuyết về độ tin cậy. Biết rõ điểm mạnh, điểm yếu của phương pháp phân tích độ tin cậy, các giả thiết đi kèm thì phân tích số liệu, để sử dụng hợp lý các phương pháp này nhằm đánh giá xác thực độ tin cậy của trắc nghiệm, hạn chế tối đa các nhân tố làm giảm thiểu hoặc làm tăng giả tạo độ tin cậy.

5.2. Độ hiệu lực của trắc nghiệm

Độ hiệu lực có nhiều loại: hiệu lực về nội dung, hiệu lực về cấu trúc và hiệu lực về dự đoán.

5.2.1. Hiệu lực về nội dung

Độ hiệu lực về nội dung là sự phù hợp của thang đo về mặt nội dung với đặc điểm cụ thể được đo lường. Khi xây dựng trắc nghiệm, người nghiên cứu phải xác định rõ nội dung lĩnh vực kiến thức hoặc kỹ năng mà trắc nghiệm định đo. Ví dụ, thang đo năng lực lãnh đạo thì nội dung của thang phải thực sự đo lường năng lực này.

Độ hiệu lực về nội dung được tính toán bằng phân tích tương quan giữa kết quả thang đo này với thang đo khác có cùng nội dung đã được công nhận.

5.2.2. Hiệu lực về cấu trúc

Độ hiệu lực cấu trúc là sự phù hợp của thang đo về mặt cấu trúc với đặc điểm được đo lường so với cấu trúc lý thuyết mà dựa vào đó thang đo được xây dựng. Ví dụ, thang đo tổn thương tâm lý của trẻ được xây dựng dựa vào cấu trúc lý thuyết coi tổn thương tâm lý gồm 3 mặt: tổn thương về nhận thức, về cảm xúc và về hành vi. Khi đo lường, thang này phải thực sự đo cấu trúc 3 mặt trên của tổn thương tâm lý thì mới được coi là có độ hiệu lực cao. Độ hiệu lực cấu trúc được tính toán bằng phương pháp phân tích nhân tố.

5.2.3. Hiệu lực về dự đoán

Hiệu lực dự đoán được hiểu như là tìm sự trùng khớp giữa một bộ công cụ nghiên cứu và một bộ công cụ nghiên cứu chuẩn với cùng một mẫu nghiên cứu. Hệ số tương quan giữa 2 lần kiểm tra với cùng một mẫu nghiên cứu.

Các trắc nghiệm tâm lý có thể được chia thành các nhóm chính như trí tuệ hay nhận thức và các thành tố liên quan; thành tích và hành vi thích ứng; nhân cách và đặc điểm tính cách; cảm xúc và khí sắc; sàng lọc và chẩn đoán các vấn đề tâm lý, tâm thần; và các trắc nghiệm sàng lọc phát triển. Các trắc nghiệm sẽ được trình bày theo trật tự bao gồm tên tiếng Anh và dịch sang tiếng Việt, phần giới thiệu chung về trắc nghiệm bao gồm tác giả/tổ chức sở hữu bản quyền, năm xuất bản và các phiên bản cập nhật, các thông số đo lường (độ tin cậy, độ hiệu lực, độ nhạy, độ đặc hiệu), ưu điểm và nhược điểm của trắc nghiệm và các nguồn tham khảo cho trắc nghiệm. Tuy vậy, không phải trắc nghiệm nào cũng có tất cả những thông tin trên, vì sự phổ biến hay không và nguồn thông tin có được.

6. Cơ sở lựa chọn các mục từ trắc nghiệm tâm lý đưa vào cuốn *Từ điển Tham vấn tâm lý*

Việc lựa chọn các mục từ trắc nghiệm tâm lý để đưa vào cuốn *Từ điển Tham vấn tâm lý* được dựa vào số lượng mục từ về các trắc nghiệm tâm lý trên tổng số mục từ trong các từ điển tham khảo. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, biên tập, các soạn giả sẽ lựa chọn các mục từ phù hợp với cấu trúc vĩ mô của cuốn sách và cấu trúc vi mô của mục từ đã được xác lập thống nhất trong cuốn Từ điển.

1) *Từ điển Tâm lý học* do Vũ Dũng chủ biên với số lượng 31/3.000 mục từ.

2) *Từ điển Tâm lý học* của Nguyễn Khắc Viện với số lượng 5/571 mục từ.

3) *Từ điển Tâm lý lâm sàng Anh - Pháp - Việt* của Nguyễn Văn Siêm với số lượng 64/5.532 mục từ.

4) *The University of Alberta's Cognitive Science Dictionary* với số lượng 7/111 từ.

5) *Encyclopedia of Multicultural Psychology* với số lượng 18/209 mục từ.

6) *Encyclopedia of Psychotherapy* của Michel Hersen với số lượng 2/233 mục từ.

7) *The Gale Encyclopedia of Mental Disorders* của Ellen Thackery với số lượng 28/ gần 400 từ.

8) *The Gale Encyclopedia of Psychology*, tái bản lần thứ hai, với số lượng 36/650 mục từ (bao gồm cả tên các tác giả).

7. Biên soạn mẫu mục từ trắc nghiệm tâm lý

BẢNG KIỂM KÊ NHÂN CÁCH ĐA DIỆN MINNESOTA (MMPI)

Tên tiếng Anh: Minnesota Multiphasic Personality Inventory

Tên tiếng Việt: Bảng kiểm kê nhân cách đa diện Minnesota hay còn gọi là trắc nghiệm nhân cách MMPI

Phiên bản hiện tại: MMPI-3

Năm xuất bản của phiên bản hiện tại: 2020

Tác giả/tổ chức sở hữu bản quyền: Nhiều tác giả (Xem phần Giới thiệu chung)

Các chỉ số đo lường:

Nhóm phù hợp: trắc nghiệm này dùng để nghiên cứu những người từ 16 đến 55 tuổi, có IQ (theo Wechsler) không dưới 80. MMPI có thể sử dụng cho từng cá nhân hay cả nhóm nghiệm thể

Giới thiệu chung:

Phiên bản đầu tiên của MMPI được xây dựng bởi Hathaway và McKinley thuộc trường Đại học Minnesota, và được công bố lần đầu tiên bởi Đại học Minnesota năm 1943. Sau đó, MMPI được thay thế bởi MMPI-2 năm 1989 (Butcher, Dahlstrom, Graham, Tellegen và Kaemmer). Một phiên bản khác của MMPI dành cho trẻ vị thành niên là MMPI-A được công bố năm 1992. Một phiên bản thay thế của MMPI-2 là MMPI-2-RF được công bố năm 2008, giữ lại 338 câu của bản gốc (có 567 câu), chia thành 51 mục và dễ thích nghi hơn so với bản MMPI cũ. Bản rút gọn này đã được chứng minh có độ tin cậy, tiêu chuẩn và giá trị tương đương so với các phiên bản cũ. Phiên bản mới nhất của MMPI hiện tại là MMPI-3, được công bố năm 2020. Một phiên bản dành cho thiếu nhi MMPI-A được xuất bản năm 1992 gồm 478 câu hỏi.

Ở Việt Nam, phiên bản phổ biến nhất của MMPI được sử dụng tại nhiều bệnh viện và cơ sở là phiên bản gồm 71 câu do các nhà tâm lý học Liên Xô xây dựng dựa trên phiên bản gốc MMPI (ở đây gọi là MMPI-71).

MMPI-71 bao gồm 3 thang đo kiểm định (L, F, K) đánh giá mức độ mà nghiệm thể thể hiện bản thân qua trắc nghiệm, cũng như 8 thang đo lâm sàng đánh giá về các đặc điểm nhân cách khác nhau của nghiệm thể bao gồm: 1. Hs - Nghi bệnh (Hypochondriasis); 2. D - Trầm cảm (Depression); 3. Hy - Rối loạn phân ly (Hysteria); 4. Pd - Lệnh lạc nhân cách (Personality deviation); 5. Pa - Paranoia; 6. Pt - Lo âu, suy nhược (Psychasthenia); 7. Sc - Tâm thần phân liệt (Schizophrenia); 8. Ma - Hưng

cảm nhẹ (Hypomania).

Các phiên bản hiện tại có thể được cá nhân thực hiện trên máy tính có kết nối mạng. Các phương pháp này được khuyến khích để hạn chế sai sót trong điểm và trong quá trình thực hiện.

Nghiem thể chọn 1 trong 3 phương án trả lời: đồng ý, không đồng ý và không nói được/không chắc chắn.

Ưu và nhược điểm:

Trắc nghiệm MMPI có ưu điểm là kết quả đáng tin cậy, dựa trên cơ sở thực nghiệm và dễ trả lời (chỉ cần trả lời Đúng/Sai hoặc Không chắc chắn); là một nguồn cung cấp thông tin tuyệt vời cho các chuyên gia trong việc đánh giá về sức khỏe tâm thần. Tuy vậy, nhược điểm của trắc nghiệm này là khá tốn thời gian và chưa được chuẩn hoá tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh (Chủ biên), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

2. Gladding, S. T., *The Counseling Dictionary*, Fourth Edition, American Counseling Association, Alexandria, 2018.

8. Kết luận

Trắc nghiệm tâm lý là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa nhằm đánh giá khách quan một hoặc nhiều khía cạnh nhân cách hoàn chỉnh thông qua các mẫu trả lời bằng ngôn ngữ, hay phi ngôn ngữ hoặc các loại hành vi ngôn ngữ khác. Trắc nghiệm tâm lý trọn bộ bao gồm công cụ làm trắc nghiệm, bản hướng dẫn sử dụng trắc nghiệm, bản ghi điểm, bản điểm chuẩn và diễn giải.

Một trắc nghiệm tâm lý khi đưa vào sử dụng cần phải được chuẩn hóa (phải được đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực) trên diện rộng và người sử dụng trắc nghiệm phải là những người được đào tạo trong lĩnh vực tâm lý. Cơ sở lựa chọn các mục từ trắc nghiệm tâm lý để đưa vào cuốn *Từ điển Tham vấn tâm lý* là số lượng mục từ về các trắc nghiệm tâm lý trên tổng số mục từ trong các từ điển tham khảo.

Biên soạn mẫu mục từ trắc nghiệm tâm lý bao gồm các nội dung chính như tên tiếng Anh, tên tiếng Việt, phiên bản hiện tại, năm xuất bản của phiên bản hiện tại, tác giả/tổ chức sở hữu bản quyền, các chỉ số đo lường, nhóm phù hợp, giới thiệu chung, ưu và nhược điểm, nguồn tham khảo.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp Bộ do PGS. TS. Vũ Ngọc Hà làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2023 - 2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Dũng, 2015, “Sử dụng một số trắc nghiệm tâm lý hỗ trợ chẩn đoán lâm sàng và đánh giá hiệu quả điều trị các rối loạn trầm cảm ở người cao tuổi”. <https://bvtthan.thuathienhue.gov.vn/?gd=5&cn=28&tc=1251>. Tra cứu ngày 30.01.2024.
- [2] Vũ Dũng (Chủ biên), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2008.
- [3] Hồ Ngọc Hải, Vũ Dũng (Chủ biên), *Các phương pháp của Tâm lý học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
- [4] Phan Thị Mai Hương, *Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
- [5] Nguyễn Công Khanh, *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [6] Trần Trọng Thủy, *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1989.
- [7] Nguyễn Khắc Viện (Chủ biên), *Từ điển Tâm lý*, Nxb. Thế giới - Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý trẻ em, Hà Nội, 1995.
- [8] Denzin, N. K., & Lincoln, Y. S. (Eds), *Handbook of qualitative research*, Sage, Thousand Oaks, 1994.
- [9] Ferguson, G. A., & Takhane, Y., *Statistical analysis in psychology and education*, 6th Edition, McGraw-Hill, Toronto, 1998.
- [10] Myers, J. L., & Well, A. D., *Research design & statistical analysis*, Lawrence Erlbaum, New York, 1995.